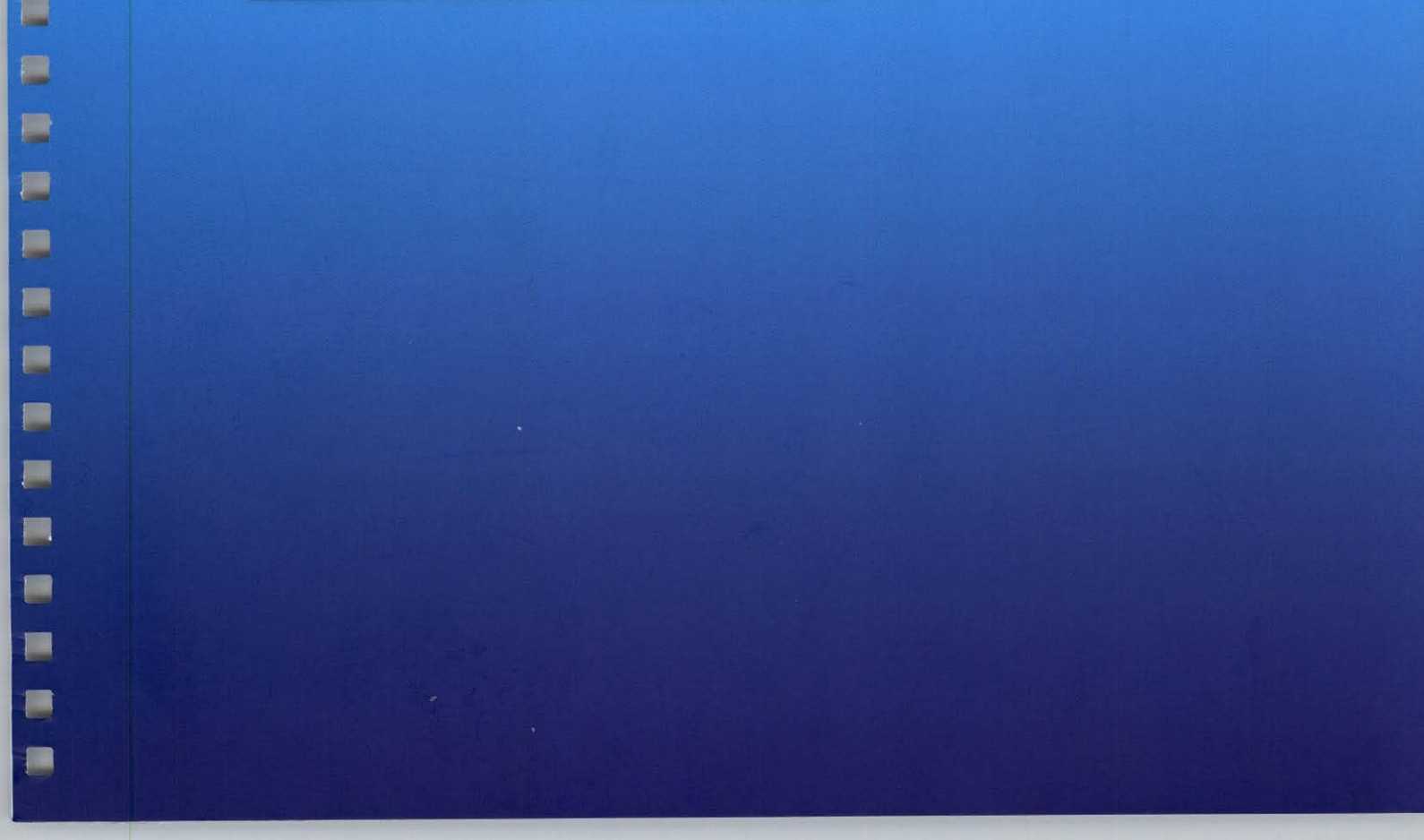


**Deloitte.**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính, không phải là báo cáo tài chính theo luật định



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tổng Công ty được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2013 sau khi chuyển đổi từ Công ty Tái Bảo hiểm PVI theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013. Tổng Công ty kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Công ty Tái Bảo hiểm PVI. Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với việc nhận bàn giao số liệu từ Công ty Tái Bảo hiểm PVI.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin về hoạt động của doanh nghiệp trong cả năm tài chính. Báo cáo tài chính này không phải là báo cáo theo luật định.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoài Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2013)
Bà Nguyễn Hoàng Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Bà Nguyễn Hà Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2013)
Ông Bùi Vạn Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2013)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2013)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Thắng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Lê Hoài Nam	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Tạ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Vũ Văn Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

Số: 594 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới vấn đề sau:*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không phải là báo cáo theo luật định. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013. Ngày 12 tháng 02 năm 2014, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Đồng thời, Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin về hoạt động của doanh nghiệp trong cả năm tài chính.



**Khúc Thị Lan Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 12 tháng 02 năm 2014*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Hoàng Văn Kiên**

**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1130-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>1.538.789.197.824</b>	<b>912.890.671.551</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>359.172.392.367</b>	<b>223.755.719.098</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		69.574.931	162.931.909
2. Tiền gửi ngân hàng	112		132.102.817.436	78.592.787.189
3. Các khoản tương đương tiền	114		227.000.000.000	145.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>352.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		660.000.000.000	352.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>519.053.918.128</b>	<b>336.915.684.479</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	522.558.697.657	335.418.223.087
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		490.693.268	224.868.609
3. Các khoản phải thu khác	138		140.313.234	1.272.592.783
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.135.786.031)	-
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>562.887.329</b>	<b>219.267.974</b>
1. Tạm ứng	151		124.718.317	153.015.578
2. Chi phí trả trước	152		438.169.012	66.252.396
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> (200=210+240)	<b>200</b>		<b>10.812.940.765</b>	<b>11.823.157.094</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>4.258.540.765</b>	<b>5.083.957.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	2.468.440.310	3.822.395.452
<i>Nguyên giá</i>	212		4.997.126.112	6.241.046.633
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(2.528.685.802)	(2.418.651.181)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	1.790.100.455	1.261.561.642
<i>Nguyên giá</i>	218		2.830.000.000	1.550.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(1.039.899.545)	(288.438.358)
<b>II. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.554.400.000</b>	<b>6.739.200.000</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	242		554.400.000	739.200.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>1.549.602.138.589</b>	<b>924.713.828.645</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DNBH  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)</b>	<b>300</b>		<b>849.220.610.492</b>	<b>463.201.440.841</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>585.654.942.635</b>	<b>291.638.346.474</b>
1. Phải trả người bán	313	10	570.654.266.034	284.392.671.626
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		10.045.961.991	850.169.794
3. Phải trả công nhân viên	316		2.607.672.166	1.701.457.938
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318		2.329.257.352	3.793.417.072
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		17.785.092	900.630.044
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>263.266.667.857</b>	<b>170.411.422.204</b>
1. Dự phòng phí	331		116.102.053.394	114.873.656.118
2. Dự phòng bồi thường	333		133.659.213.532	49.371.833.323
3. Dự phòng dao động lớn	334		13.505.400.931	6.165.932.763
<b>III. Nợ khác</b>	<b>340</b>		<b>299.000.000</b>	<b>1.151.672.163</b>
1. Chi phí phải trả	341		299.000.000	1.151.672.163
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>700.381.528.097</b>	<b>461.512.387.804</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>700.381.528.097</b>	<b>461.512.387.804</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		668.000.000.000	460.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		4.360.595.909	1.512.387.804
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		28.020.932.188	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>1.549.602.138.589</b>	<b>924.713.828.645</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	6.041.021,93	2.814.369,54
Euro	EUR	55.651,57	345.154,56



Bùi Thị Hà  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014



  
Vũ Văn Thắng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02A-DNBH

Đơn vị: VND

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		1.353.446.091.486	1.032.849.780.483
2. Các khoản giảm trừ	03		(1.112.826.265.638)	(842.633.094.045)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		(1.088.895.189.765)	(836.939.156.684)
- Hoàn phí bảo hiểm	06		(19.901.962.800)	(5.019.362.282)
- Các khoản giảm trừ khác	07		(4.029.113.073)	(674.575.079)
3. (Tăng) dự phòng phí	08	11	(1.228.397.276)	(103.154.971.094)
4. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		205.513.766.621	130.339.210.961
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		21.072.749.844	27.043.439.003
<b>6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>465.977.945.037</b>	<b>244.444.365.308</b>
7. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(330.363.763.987)	(23.371.740.730)
8. Các khoản giảm trừ:	17		279.680.273.883	10.667.898.028
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		279.680.273.883	10.667.898.028
9. (Tăng) dự phòng bồi thường	23	11	(84.287.380.209)	(43.831.186.906)
10. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24	11	(7.339.468.168)	(5.726.737.846)
11. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		(260.823.058.858)	(180.404.807.878)
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		(258.461.760.502)	(178.999.165.591)
+ Chi hoa hồng	35		(232.080.746.377)	(150.139.366.580)
+ Chi khác	38		(26.381.014.125)	(28.859.799.011)
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		(2.361.298.356)	(1.405.642.287)
<b>12. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>		<b>(403.133.397.339)</b>	<b>(242.666.575.332)</b>
<b>13. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>		<b>62.844.547.698</b>	<b>1.777.789.976</b>
14. Chi phí bán hàng	43		(14.194.802.459)	(13.527.052.000)
15. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(30.831.042.152)	(21.797.461.866)
<b>16. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>45</b>		<b>17.818.703.087</b>	<b>(33.546.723.890)</b>
17. Doanh thu hoạt động tài chính	46	13	74.841.069.292	66.456.640.610
18. Chi phí hoạt động tài chính	47		(13.677.668.979)	(1.652.398.474)
<b>19. Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>51</b>		<b>61.163.400.313</b>	<b>64.804.242.136</b>
<b>20. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>55</b>		<b>78.982.103.400</b>	<b>31.257.518.246</b>
21. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	15	(19.176.098.232)	(7.462.585.636)
<b>22. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>61</b>		<b>59.806.005.168</b>	<b>23.794.932.610</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02A-DNBH  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

	Số còn phải nộp tại ngày	Phát sinh trong năm		Số còn phải nộp tại ngày
	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ	119.508.233	225.499.139	-	345.007.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.546.193	19.189.982.732	10.656.423.048	8.795.105.877
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	469.115.368	2.715.640.996	2.278.907.622	905.848.742
	<b>850.169.794</b>	<b>22.134.122.867</b>	<b>12.938.330.670</b>	<b>10.045.961.991</b>

Bùi Thị Hà  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014



Vũ Văn Thắng  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DNBH**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	795.527.270.254	418.732.583.219
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	702.264.214	-
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	4.663.996.914	18.800.932.342
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(94.295.889.283)	(4.820.189.480)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(433.148.842.146)	(291.231.635.918)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(21.640.782.791)	(35.937.506.804)
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(15.082.951.090)	(11.927.815.480)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(12.528.589.408)	(10.392.903.329)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.904.702.486)	(1.341.278.319)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(3.728.779.350)	(153.015.578)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>218.562.994.828</b>	<b>81.729.170.653</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	687.034.444.500	522.000.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	42.192.209.469	65.591.453.035
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(995.000.000.000)	(531.000.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(1.280.000.000)	(2.040.405.509)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(267.053.346.031)</b>	<b>54.551.047.526</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do chủ sở hữu góp vốn	32	208.000.000.000	-
2. Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(24.092.975.528)	(28.281.605.130)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>183.907.024.472</b>	<b>(28.281.605.130)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>135.416.673.269</b>	<b>107.998.613.049</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>223.755.719.098</b>	<b>115.255.454.886</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	501.651.163
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>359.172.392.367</b>	<b>223.755.719.098</b>



Bùi Thị Hà  
 Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI - được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Cổ đông chính của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holdings") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. PVI Holdings sở hữu 68,86% vốn của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2013 sau khi chuyển đổi từ Công ty Tái bảo hiểm PVI theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013. Tổng Công ty kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Công ty Tái bảo hiểm PVI. Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với việc nhận bàn giao số liệu từ Công ty Tái bảo hiểm PVI.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin về hoạt động của doanh nghiệp trong cả năm tài chính. Báo cáo tài chính này không phải là báo cáo theo luật định.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường và công nợ tài chính khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, Tổng Công ty áp dụng hạn thanh toán cho tất cả các khoản công nợ tái bảo hiểm là 9 tháng kể từ ngày phát sinh, theo đó dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu sau 15 tháng kể từ ngày phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2013</b>
	<b>Số năm</b>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính Phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

*Dự phòng phí:* Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Do Tổng Công ty mới hoạt động nên chưa có số liệu lịch sử để tính dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012. Vì vậy, IBNR được tạm ước tính bằng 3% trên phí giữ lại cho các năm 2011, 2012 và 2013. Từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty cổ phần sẽ trích theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

*Dự phòng dao động lớn:* Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm ghi nhận trong năm.

Các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

**Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	69.574.931	162.931.909
Tiền gửi ngân hàng	132.102.817.436	78.592.787.189
Các khoản tương đương tiền	227.000.000.000	145.000.000.000
	<u>359.172.392.367</u>	<u>223.755.719.098</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	660.000.000.000	352.000.000.000
	<u>660.000.000.000</u>	<u>352.000.000.000</u>

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	359.532.394.449	291.262.261.128
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	125.530.823.542	22.534.260.284
Phải thu về hoạt động tài chính	37.299.077.726	21.621.701.675
Các khoản phải thu khác của khách hàng	196.401.940	-
	<u>522.558.697.657</u>	<u>335.418.223.087</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3.250.233.636	2.990.812.997	6.241.046.633
Tăng trong năm	-	81.390.085	81.390.085
- Mua sắm mới	-	74.639.400	74.639.400
- Nhận bàn giao từ PVI Holdings	-	6.750.685	6.750.685
Giảm trong năm (i)	16.000.000	1.309.310.606	1.325.310.606
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>3.234.233.636</b>	<b>1.762.892.476</b>	<b>4.997.126.112</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1.264.984.942	1.153.666.239	2.418.651.181
Trích khấu hao	411.364.749	540.821.172	952.185.921
Giảm trong năm (i)	9.249.315	832.901.985	842.151.300
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.667.100.376</b>	<b>861.585.426</b>	<b>2.528.685.802</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.567.133.260</b>	<b>901.307.050</b>	<b>2.468.440.310</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.985.248.694</b>	<b>1.837.146.758</b>	<b>3.822.395.452</b>

(i) Xử lý giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 903.156.922 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 VND).

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	1.550.000.000	1.550.000.000
Tăng trong năm	1.280.000.000	1.280.000.000
- Mua sắm mới	1.280.000.000	1.280.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>2.830.000.000</b>	<b>2.830.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	288.438.358	288.438.358
Trích khấu hao	751.461.187	751.461.187
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.039.899.545</b>	<b>1.039.899.545</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.790.100.455</b>	<b>1.790.100.455</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.261.561.642</b>	<b>1.261.561.642</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	94.388.964.052	27.456.982.571
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	445.522.874.464	255.039.502.387
Phải trả về hoạt động môi giới tái bảo hiểm	1.134.222.951	282.790.309
Các khoản phải trả khác cho người bán	29.608.204.567	1.613.396.359
	<u><b>570.654.266.034</b></u>	<u><b>284.392.671.626</b></u>

**11. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	<u>01/01/2013</u> VND	<u>Trích bổ sung</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Sử dụng</u> <u>trong năm</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Dự phòng phí	114.873.656.118	1.228.397.276	-	116.102.053.394
Dự phòng bồi thường	49.371.833.323	84.287.380.209	-	133.659.213.532
Dự phòng dao động lớn	6.165.932.763	7.339.468.168	-	13.505.400.931
	<u><b>170.411.422.204</b></u>	<u><b>92.855.245.653</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>263.266.667.857</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DNBH****12. NGUỒN VỐN, QUỸ**

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>460.000.000.000</b>	<b>(15.665.867)</b>	<b>426.628.867</b>	<b>-</b>	<b>460.410.963.000</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.794.932.610	23.794.932.610
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	-	1.085.758.937	(1.085.758.937)	-
Điều chuyển lợi nhuận về Công ty Cổ phần PVI (ii)	-	-	-	(20.629.419.814)	(20.629.419.814)
Giảm khác	-	15.665.867	-	(2.079.753.859)	(2.064.087.992)
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>460.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.512.387.804</b>	<b>-</b>	<b>461.512.387.804</b>
Góp vốn trong năm (iii)	208.000.000.000	-	-	-	208.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.806.005.168	59.806.005.168
Tăng khác	-	-	-	395.856.762	395.856.762
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	-	2.848.208.105	(2.848.208.105)	-
Điều chuyển lợi nhuận về Công ty Cổ phần PVI (ii)	-	-	-	(29.332.721.637)	(29.332.721.637)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>668.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.360.595.909</b>	<b>28.020.932.188</b>	<b>700.381.528.097</b>

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

(ii) Điều chuyển lợi nhuận về Công ty Cổ phần PVI được thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty.

(iii) Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và các cổ đông cá nhân khác góp vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính ngày cấp 01 tháng 10 năm 2013

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh**

	Theo thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2013	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	460.000.000.000	68,86%	460.000.000.000	68,86%
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	28.400.000.000	4,25%	28.400.000.000	4,25%
Các cổ đông cá nhân khác	179.600.000.000	26,89%	179.600.000.000	26,89%
	<b>668.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>668.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.903.989.220	62.983.153.345
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.832.377.704	3.471.571.561
Khác	104.702.368	1.915.704
	<b>74.841.069.292</b>	<b>66.456.640.610</b>

**14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	403.133.397.339	146.397.941.444
Chi phí nhân công	18.548.045.684	14.652.848.535
Chi khấu hao tài sản cố định	1.703.647.108	1.319.100.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.898.725.737	5.090.800.675
Chi phí khác bằng tiền	18.875.426.082	14.261.764.287
	<b>448.159.241.950</b>	<b>181.722.455.310</b>

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	78.982.103.400	31.257.518.246
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(2.277.710.472)	(1.407.175.703)
- <i>Thù lao cho Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát</i>	106.800.000	84.000.000
- <i>Lãi chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>	(3.240.683.649)	(2.079.753.859)
- <i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	856.173.177	588.578.156
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>76.704.392.928</b>	<b>29.850.342.543</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>19.176.098.232</b>	<b>7.462.585.636</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	359.172.392.367	223.755.719.098
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.563.224.860	336.690.815.870
Đầu tư tài chính ngắn hạn	660.000.000.000	352.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.537.735.617.227</b>	<b>912.446.534.968</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	572.764.076.952	288.186.088.698
Dự phòng bồi thường	133.659.213.532	49.371.833.323
Công nợ tài chính khác	299.000.000	1.151.672.163
<b>Tổng cộng</b>	<b>706.722.290.484</b>	<b>337.557.922.021</b>

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ (USD)	413.579.756.469	264.267.424.629	393.576.793.473	196.309.723.767
Won Hàn Quốc (KRW)	39.864.511.730	29.955.459.531	34.587.209.250	20.041.903.279
Euro (EUR)	24.814.438.330	16.111.144.152	20.945.305.988	2.346.630.828
Rupee Ấn Độ (INR)	1.091.894.881	67.423.283	4.472.897.736	257.397.488
Bảng Anh (GBP)	2.129.947	56.614.568	630.376.483	45.005.228
Ringgit Malaysia (MYR)	2.467.496.016	1.431.033.755	1.698.184.852	1.601.976.942
Rup Indonesia (IDR)	204.520.063	1.626.410.500	162.457.793	913.510.813
Dirham Ả Rập (AED)	36.101.867	570.011.297	290.032.899	2.336.806.162
Khác	6.409.414.715	2.375.086.631	2.708.821.272	2.101.167.554
	<b>488.470.264.017</b>	<b>316.460.608.346</b>	<b>459.072.079.747</b>	<b>225.954.122.061</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

Loại tiền	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.000.296.300	6.795.770.086
Won Hàn Quốc (KRW)	527.730.248	991.355.625
Euro (EUR)	386.913.234	1.376.451.332,38

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền gốc và lãi chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2013</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.355.814.589	362.355.814.589
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.563.224.860	518.563.224.860
Đầu tư tài chính ngắn hạn	690.548.283.333	690.548.283.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.571.467.322.782</b>	<b>1.571.467.322.782</b>
<b>31/12/2013</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	572.764.076.952	572.764.076.952
Dự phòng bồi thường	133.659.213.532	133.659.213.532
Công nợ tài chính khác	299.000.000	299.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>706.722.290.484</b>	<b>706.722.290.484</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>864.745.032.298</b>	<b>864.745.032.298</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2012</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	226.401.413.542	226.401.413.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	336.690.815.870	336.690.815.870
Đầu tư tài chính ngắn hạn	367.603.444.444	367.603.444.444
<b>Tổng cộng</b>	<b>930.695.673.856</b>	<b>930.695.673.856</b>
<b>31/12/2012</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	288.186.088.698	288.186.088.698
Dự phòng bồi thường	49.371.833.323	49.371.833.323
Công nợ tài chính khác	1.151.672.163	1.151.672.163
<b>Tổng cộng</b>	<b>338.709.594.184</b>	<b>338.709.594.184</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>591.986.079.672</b>	<b>591.986.079.672</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	872.849.066.072	632.207.125.083
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	147.302.867.569	97.227.525.686
Chi phí khác cho hoạt động nhận tái	1.167.922.519	6.128.374.888
Chuyển phí nhượng tái	186.280.702.029	143.647.100.127
Phí nhượng tái được hoàn	3.120.272.608	2.385.638.766
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	47.512.198.979	28.531.845.342
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	116.660.149.051	6.478.794.985
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	115.302.469.648	7.024.954.779
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	11.031.579.971	7.753.361.791
Góp vốn trong năm	28.400.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Lợi nhuận phải chuyển trong năm	29.332.721.637	20.629.419.814
Lợi nhuận đã chuyển trong năm	29.332.721.637	28.281.605.130
Chi phí thuê văn phòng	1.227.665.455	1.227.665.454
Nhận cấp quỹ lương	-	2.165.000.000
Nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.400.000.000
Mua tài sản cố định	1.280.000.000	900.000.000
Phải trả nội bộ tài chính	337.608.000	-

**Số dư với các bên liên quan:**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Các khoản phải thu	-	939.881.327
Các khoản phải trả	337.608.000	-
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Các khoản phải thu	261.267.183.128	200.335.768.312
Các khoản phải trả	106.649.295.843	61.117.464.575



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm là 5.159.201.694 VND (kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.577.314.219 VND).

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Tái bảo hiểm PVI đã được kiểm toán, được sử dụng cho mục đích tham khảo thông tin.



**Bùi Thị Hà**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014



**Vũ Văn Thắng**  
Tổng Giám đốc